

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/KDTM-ST

Ngày: 26/9/2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 36/2025/TLST-KDTM ngày 22/7/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu T; địa chỉ trụ sở: phường T, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Ánh N, CCCD số: 034180015699; chức vụ: Giám đốc; có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH gỗ Y; địa chỉ trụ sở: khu công nghiệp N, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Người đại diện theo pháp luật: Ông X; chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/01/2025, Công ty TNHH MTV dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu T (sau đây viết tắt là Công ty T) và Công ty TNHH gỗ Y (sau đây viết tắt là Công ty Y) có ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 19/2025/YS-TBA. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty T bán cho Công ty Y mặt hàng xốp EPS, màng foam ... các loại, cắt theo đơn đặt hàng của Công ty T; thời hạn thanh toán là 60 ngày kể từ ngày Công ty Y chốt công nợ và xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Theo đơn đặt hàng của Công ty Y, Công ty T đã bán hàng, giao hàng và xuất 03 hóa đơn GTGT số 861 ngày 31/5/2025 với số tiền 72.055.401 đồng; số 850 ngày 29/5/2025 với số tiền 108.681.589 đồng và số 670 với số tiền 156.564.806 đồng (đã bao gồm 8%VAT). Tổng số tiền hàng theo 03 hóa đơn trên là 337.301.796 đồng. Ngoài ra, Công ty T còn giao hàng cho Công ty Y vào ngày 06/6/2025 với số tiền 26.092.504 đồng và ngày 10/6/2025 với số tiền 2.583.258 đồng; đối với giá trị hàng hóa này Công ty T chưa xuất hóa đơn do người đại diện theo pháp luật của Công ty Y đã bỏ về Trung Quốc chưa ký xác nhận.

Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc Công ty TNHH gỗ Y phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu T tổng số tiền nợ gốc là 365.977.558 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty Y theo đúng quy định của pháp luật nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty Y không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.
- Bị đơn: Vắng mặt không lí do nên không trình bày ý kiến.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán hàng hóa. Việc mua bán hàng hóa căn cứ vào từng đơn đặt hàng cụ thể của Công ty Y (bên mua). Theo đó, trong tháng 4 và tháng 5 năm 2025, Công ty T đã cung cấp mặt hàng xốp EPS, màng foam cho Công ty Y theo từng đơn hàng với tổng số tiền 365.977.558 đồng (đã bao gồm 8% VAT). Việc giao nhận hàng hóa đều có các Phiếu giao hàng và đều được nhân viên của Công ty Y ký nhận tại mục “*Bên nhận, đã nhận đủ hàng*” và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 861 ngày 31/5/2025 với số tiền 72.055.401 đồng, số 850 ngày 29/5/2025 với số tiền 108.681.589 đồng và số 670 với số tiền 156.564.806 đồng nên có căn cứ xác định Công ty T đã giao hàng hóa theo các hóa đơn trên và giao hàng hóa chưa xuất hóa đơn với số tiền 28.675.762 đồng. Bị đơn không thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn là vi phạm Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Do đó, xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền mua hàng là 365.977.558 đồng; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty Y thanh toán số tiền còn nợ liên quan đến mua bán hàng hóa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty Y có trụ sở hoạt động tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty Y không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn Công ty Y đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng nguyên tắc số 19/2025/YS-TBA ngày 02/01/2025, Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty T và Công ty Y ký hợp đồng với nội dung Công ty T cung cấp mặt hàng xốp EPS, màng foam; hợp đồng thỏa thuận quyền, nghĩa vụ của các bên, phù hợp quy định tại Điều 24 của Luật thương mại nên có hiệu lực đối với các bên.

[2.2] Đối với yêu cầu về nợ gốc: Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán hàng hóa. Việc mua bán hàng hóa căn cứ vào từng đơn đặt hàng cụ thể của Công ty Y (bên mua). Theo đó, trong tháng 4 và tháng 5 năm 2025, Công ty T đã cung cấp mặt hàng xốp EPS, màng foam cho Công ty Y theo từng đơn hàng với tổng số tiền 365.977.558 đồng (đã bao gồm 8% VAT). Việc giao nhận hàng hóa đều có các Phiếu giao hàng và đều được nhân viên của Công ty Y ký nhận tại mục “*Bên nhận, đã nhận đủ hàng*” và xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 861 ngày 31/5/2025 với số tiền 72.055.401 đồng, số 850 ngày 29/5/2025 với số tiền 108.681.589 đồng và số 670 với số tiền 156.564.806 đồng nên có căn cứ xác định Công ty T đã giao hàng hóa theo các hóa đơn trên và giao hàng hóa chưa xuất hóa đơn với số tiền 28.675.762 đồng. Như vậy, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 365.977.558 đồng là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

[3] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 24, 50, 55, 300, 301, 302, 306 và 319 của Luật thương mại;
- Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu T đối với bị đơn Công ty TNHH gỗ Y về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”;

Buộc Công ty TNHH gỗ Y có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH MTV dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu T số tiền là 365.977.558 đồng (*Ba trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm năm mươi tám đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH MTV dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu T không phải chịu. Trả lại cho Công ty TNHH MTV dịch vụ thương mại xuất nhập khẩu T số tiền 9.150.000 đồng (*Chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004240 ngày 18/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Công ty TNHH gỗ Y phải chịu số tiền 18.298.877 đồng (*Mười tám triệu hai trăm chín mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng*) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa

đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Hiệp